

**BIỂU GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 CHO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ CÁC XÃ, PHƯỜNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH**

(Kèm theo Quyết định số: 1316 /QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đvt: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung	Bao gồm			Ghi chú
			Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2026		Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù lãi suất tiền vay Ngân hàng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ- HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
			Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa, cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, mua bản quyền giống lúa được bảo hộ		
	TỔNG CỘNG (I+II)	49.553,0	36.289,0	12.095,0	1.169,0	
I	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	21.773,0	21.773,0			
1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn	21.773,0	21.773,0			
II	Các xã, phường	27.780,0	14.516,0	12.095,0	1.169,0	
1	Xã Hữu Lũng	347,0	190,0	157,0		
2	Xã Tuấn Sơn	576,0	314,0	262,0		
3	Xã Tân Thành	574,0	313,0	261,0		
4	Xã Vân Nham	744,0	406,0	338,0		
5	Xã Thiện Tân	555,0	303,0	252,0		
6	Xã Yên Bình	482,0	263,0	219,0		

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung	Bao gồm		Ghi chú	
			Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2026			Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù lãi suất tiền vay Ngân hàng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
			Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa, cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, mua bản quyền giống lúa được bảo hộ		
7	Xã Hữu Liên	336,0	183,0	153,0		
8	Xã Cai Kinh	279,0	152,0	127,0		
9	Xã Chi Lăng	453,0	247,0	206,0		
10	Xã Nhân Lý	379,0	207,0	172,0		
11	Xã Chiến Thắng	579,0	316,0	263,0		
12	Xã Quan Sơn	268,0	146,0	122,0		
13	Xã Bằng Mạc	493,0	269,0	224,0		
14	Xã Vạn Linh	611,0	333,0	278,0		
15	Phường Tam Thanh	169,0	92,0	77,0		
16	Phường Lương Văn Tri	169,0	92,0	77,0		
17	Phường Kỳ Lừa	442,0	241,0	201,0		
18	Phường Đông Kinh	314,0	171,0	143,0		
19	Xã Đồng Đăng	390,0	213,0	177,0		
20	Xã Cao Lộc	401,0	219,0	182,0		
21	Xã Công Sơn	278,0	152,0	126,0		
22	Xã Ba Sơn	515,0	281,0	234,0		

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung	Bao gồm			Ghi chú
			Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2026		Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù lãi suất tiền vay Ngân hàng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	
			Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa, cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, mua bản quyền giống lúa được bảo hộ		
23	Xã Lộc Bình	504,0	275,0	229,0		
24	Xã Mẫu Sơn	544,0	297,0	247,0		
25	Xã Na Dương	959,0	523,0	436,0		
26	Xã Lợi Bắc	424,0	231,0	193,0		
27	Xã Thống Nhất	675,0	368,0	307,0		
28	Xã Xuân Dương	301,0	164,0	137,0		
29	Xã Khuất Xá	462,0	252,0	210,0		
30	Xã Đình Lập	171,0	93,0	78,0		
31	Xã Châu Sơn	1.129,0	118,0	98,0	913,0	
32	Xã Kiên Mộc	343,0	187,0	156,0		
33	Xã Thái Bình	211,0	115,0	96,0		
34	Xã Na Sầm	473,0	258,0	215,0		
35	Xã Văn Lãng	375,0	205,0	170,0		
36	Xã Hội Hoan	464,0	253,0	211,0		
37	Xã Thụy Hùng	629,0	203,0	170,0	256,0	
38	Xã Hoàng Văn Thụ	627,0	342,0	285,0		

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung	Bao gồm		Ghi chú	
			Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2026			Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù lãi suất tiền vay Ngân hàng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
			Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa, cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, mua bản quyền giống lúa được bảo hộ		
39	Xã Thất Khê	590,0	322,0	268,0		
40	Xã Đoàn Kết	180,0	98,0	82,0		
41	Xã Tân Tiến	293,0	160,0	133,0		
42	Xã Tràng Định	429,0	234,0	195,0		
43	Xã Quốc Khánh	715,0	390,0	325,0		
44	Xã Kháng Chiến	273,0	149,0	124,0		
45	Xã Quốc Việt	304,0	166,0	138,0		
46	Xã Văn Quan	276,0	151,0	125,0		
47	Xã Diêm He	633,0	345,0	288,0		
48	Xã Tri Lễ	436,0	238,0	198,0		
49	Xã Yên Phúc	680,0	371,0	309,0		
50	Xã Tân Đoàn	412,0	225,0	187,0		
51	Xã Khánh Khê	521,0	284,0	237,0		
52	Xã Bình Gia	328,0	179,0	149,0		
53	Xã Tân Văn	382,0	208,0	174,0		
54	Xã Hồng Phong	255,0	139,0	116,0		

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung	Bao gồm		Ghi chú	
			Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2026			Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù lãi suất tiền vay Ngân hàng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
			Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa, cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, mua bản quyền giống lúa được bảo hộ		
55	Xã Hoa Thám	273,0	149,0	124,0		
56	Xã Quý Hòa	106,0	58,0	48,0		
57	Xã Thiện Hòa	293,0	160,0	133,0		
58	Xã Thiện Thuật	281,0	153,0	128,0		
59	Xã Thiện Long	276,0	151,0	125,0		
60	Xã Bắc Sơn	363,0	198,0	165,0		
61	Xã Hưng Vũ	306,0	167,0	139,0		
62	Xã Vũ Lăng	387,0	211,0	176,0		
63	Xã Nhất Hòa	327,0	178,0	149,0		
64	Xã Vũ Lễ	242,0	132,0	110,0		
65	Xã Tân Tri	574,0	313,0	261,0		